

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15-5-2023

V/v Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hương;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXX-ST ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 2001.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã L1, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Căn cước công dân số 034301008199.

Bị đơn: Anh Lưu Xuân T, sinh năm 1998.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

Hiện đang lao động tại Đài Loan.

Căn cước công dân số 034098004937.

(Chị L, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/02/2023 và Bản tự khai của nguyên đơn trong quá trình tố tụng thì chị Trần Thị L yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân với anh Lưu Xuân T và trình bày như sau:

Chị Trần Thị L và anh Lưu Xuân T tìm hiểu, yêu nhau và tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2018, đến ngày 13/02/2020 hai vợ chồng sinh con chung là Lưu Tuấn A1, sau đó đến ngày 11/3/2020 chị L và anh T mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình. Trong thời gian chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và do anh T chơi bời không tu chí làm ăn. Đến cuối năm 2020, chị và anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan được vài tháng, đầu năm 2021, anh T bỏ trốn ra ngoài và tiếp tục ăn chơi, không chịu làm việc. Chị và gia đình đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T vẫn không nghe. Vợ chồng chị đã ly thân, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau từ giữa năm 2021 đến nay. Chị L đã chấm dứt hợp đồng lao động trước hạn và về Việt Nam, anh T vẫn ở lại Đài Loan. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lưu Tuấn A1, sinh ngày 13/02/2020, hiện nay con Tuấn A1 đang do mẹ đẻ anh T là bà Đào Thị H (sinh năm 1977, địa chỉ: thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình) nuôi dưỡng. Ly hôn, chị L đề nghị Tòa án giao con chung cho anh T nuôi dưỡng, về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị L và anh T không có tài sản chung, không vay nợ chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

*** Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án cho anh Lưu Xuân T thông qua gia đình anh T, nhưng anh T không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án.**

***/ Bà Đào Thị H, sinh năm 1977, nơi cư trú: thôn C, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (mẹ đẻ của anh Lưu Xuân T) trình bày:**

Về điều kiện kết hôn giữa anh T và chị L như chị L đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh T sống chung với vợ chồng bà. Trước khi đi nước ngoài, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Tháng 5/2020, anh T đi lao động tại Đài Loan. Tháng 10/2020, chị L cũng đi lao động tại Đài Loan. Bà được biết khi sang Đài Loan, hai vợ chồng không làm cùng công ty, cũng không ở cùng một địa phương, một thời gian sau anh T, chị L đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không tập trung kinh tế, không thống nhất quan điểm sống với nhau, cả chị L và anh T đều có mối quan hệ nam nữ với người khác. Chị L, anh T đã tự thỏa thuận

với nhau về việc ly hôn. Anh T đã viết một Giấy ủy quyền có nội dung anh T ủy quyền cho bà giải quyết thủ tục, giấy tờ ly hôn giữa anh T và chị L tại Tòa án. Bà xác nhận Giấy ủy quyền do chị L cung cấp cho Tòa án đúng là Giấy ủy quyền do anh T viết, ký, điểm chỉ và gửi về. Đến tháng 02/2023, chị L về nước, chị L không về nhà bà để ăn ở sinh hoạt như trước lúc đi mà về luôn nhà mẹ đẻ. Sau đó chị L có lên nhà bà để thăm con và nói chuyện với vợ chồng bà cho chị L và anh T ly hôn. Hiện nay chị L, anh T không thể duy trì quan hệ hôn nhân được với nhau, mâu thuẫn không thể hàn gắn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T và chị L ly hôn.

Chị L, anh T có 01 con chung là Lưu Tuấn A1, sinh ngày 13/02/2020 hiện nay do vợ chồng bà nuôi dưỡng. Nếu anh T và chị L ly hôn, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật nhưng bà có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc cháu Tuấn A1 trong thời gian anh T đi nước ngoài.

Anh T và chị L không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ và cũng không có đóng góp gì vào khối tài sản chung của vợ chồng bà.

Hiện nay anh T đang lao động ở Đài Loan, bà không biết địa chỉ chính xác của anh T tại Đài Loan, bà chỉ biết anh T không còn làm ở doanh nghiệp nhập khẩu lao động nữa mà đã trốn ra ngoài làm tự do.

Bà đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, bao gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập... Bà đã thông báo cho anh T các văn bản đó, anh T nói với bà là anh nhất trí ly hôn chị L. Bà đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các văn bản trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa chị L và anh T cho bà để bà thông báo lại cho anh T.

*** Công văn số 202/PA08 ngày 09/3/2023 của Phòng Quản lý Xuất nhập cảnh Công an tỉnh Thái Bình cung cấp:** Anh Lưu Xuân T xuất cảnh lần gần nhất ngày 06/9/2020, chưa có thông tin nhập cảnh vào Việt Nam.

***/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Trần Thị L ly hôn anh Lưu Xuân T. Về quan hệ con chung: Đề nghị áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao con chung Lưu Tuấn A1, sinh ngày 13/02/2020 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của bà Đào Thị H về việc thay anh T chăm sóc cháu Tuấn A1 trong thời gian anh T ở nước ngoài; việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra

giải quyết. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án chị Trần Thị L xin ly hôn anh Lưu Xuân T theo thủ tục chung, chị L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn như cung cấp Bản tự khai, cung cấp các chứng cứ chứng minh và có đơn đề nghị Tòa án không hòa giải, đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn - anh Lưu Xuân T đã được Tòa án thông báo (thông qua thân nhân) các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập... của Tòa án nhưng anh T không có mặt theo yêu cầu của Tòa án, không cung cấp bản khai và địa chỉ cụ thể tại Đài Loan của anh cho Tòa án... Như vậy, anh T đã cố tình giấu địa chỉ, từ chối trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho thân nhân của anh T và đã niêm yết công khai các văn bản đó tại chính quyền địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh T ở Việt Nam để đảm bảo quyền tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án cho anh T. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt chị Trần Thị L và anh Lưu Xuân T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị L và anh Lưu Xuân T đã tổ chức lễ cưới vào tháng 3/2018, tuy nhiên quan hệ hôn nhân của anh chị chỉ được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 11/3/2020.

Sau khi kết hôn, anh chị đã có thời gian ngắn chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T. Năm 2020, anh chị cùng đi lao động tại Đài Loan. Trong thời gian ở nước ngoài, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L là do anh T chơi bời, không tu chí làm ăn, còn bà H trình bày do hai vợ chồng chị L, anh T không tập trung kinh tế, không thống nhất quan điểm sống với nhau, cả chị L và anh T đều có mối quan hệ nam nữ với người khác. Anh chị đã ly thân từ giữa năm 2021 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Chị L và bà Đào Thị H (mẹ đẻ anh T) đều trình bày khi còn làm việc ở Đài Loan, chị L và anh T đã thống nhất ly hôn với nhau, anh T đã viết Giấy ủy quyền cho bà H nhận các thủ tục, giấy tờ tại Tòa án khi Tòa án giải quyết vụ án ly hôn của anh chị. Điều đó là chứng cứ thể hiện chị L và anh T không còn tình cảm với nhau và không thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Xét thấy, mâu thuẫn của chị L và anh T đã kéo dài, không có khả năng hàn gắn, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị L, xử cho chị L ly hôn anh T là phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là Lưu Tuấn A1, sinh ngày 13/02/2020. Hiện nay con Tuấn A1 đang sống cùng bố mẹ đẻ của anh T. Chị L đề nghị Tòa án giao con Tuấn A1 cho anh T nuôi dưỡng, không đề nghị Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên anh T hiện không sống và làm việc tại Việt Nam, không trình bày quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể giao con chung của anh chị cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, cần áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao con Tuấn A1 cho chị L nuôi dưỡng. Chị L không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Tòa án đã thông tin qua bà H (mẹ đẻ anh T) hướng dẫn anh T trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh T không có lời khai, không có yêu cầu về tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết về tài sản của anh chị trong vụ án này. Các đương sự có thể khởi kiện vụ án phân chia tài sản chung khi cần thiết.

[2.4] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271; 273; 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Lưu Xuân T.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Lưu Tuấn A1, sinh ngày 13/02/2020 cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết.

Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Chị L, anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Trần Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005597 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Hành chính tư pháp./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình